

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 82

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 17 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 88, hàng thứ 3 từ dưới lên:

“*Giải thích nghĩa kinh*”, đây là phần lớn thứ ba trong bộ kinh này, thuộc phần lớn, giải thích chánh kinh, giải thích ý nghĩa kinh văn. “*Phần trước nêu rõ cương tông của toàn kinh*”, cương lĩnh tông chỉ, “*và nghĩa tổng quát của đề kinh*”. “*Kính cẩn dùng lời lẽ của tâm ý hạn hẹp, trình bày sơ lược diệu nghĩa vô tận của Tịnh tông*”, đây là lời khiêm tốn của Hoàng Niệm lão. Tâm ý hạn hẹp, ý nói là chưa khai ngộ, tâm lượng của phàm phu. Sau khi khai ngộ, tâm lượng sẽ giống như Phật Bồ-tát, quả thật là tâm bao trùm khắp hư không, rộng chứa vô lượng vô biên thế giới. Hạn hẹp là có giới hạn, tâm ý hạn hẹp chính là tâm lượng của phàm phu, kiến giải của phàm phu. “*Trình bày sơ lược Tịnh tông*”, đây là một bộ kinh điển quan trọng nhất của Tịnh độ tông, quả thật là diệu nghĩa vô tận. “*Nay y theo tiền lệ, toàn kinh chia làm ba phần*”, tiền lệ này chính là cách thức giảng giải kinh văn của cổ thánh tiên hiền, đều là chia một bộ kinh thành ba phần lớn, tức là ba bộ phận, bộ phận thứ nhất gọi là phần tự, bộ phận thứ hai là phần chánh tông, bộ phận thứ ba gọi là phần lưu thông. Việc này cũng giống như bài văn thông thường hiện nay của chúng ta, phía trước có lời tựa, ở giữa mới là nội dung chính, phía sau có phần kết luận, đây là ba đoạn lớn. Trong kinh Phật thì bản thân mỗi kinh chỉ có ba đoạn, thứ nhất là tự, sau tự là chánh tông, sau chánh tông là lưu thông. Cũng chính là phần nhiều là Phật dạy dò chúng ta, nên làm thế nào để đem nghĩa lý, giáo huấn và cảnh giới của bộ kinh này thực hiện trong đời sống hằng ngày, nâng cao chính mình, thậm chí thực hiện trong công việc, thực hiện trong toàn bộ đời sống. Đây là dạy bạn phải biết rằng sau khi chính mình thành tựu lại còn phải đi ảnh hưởng người khác, hy vọng người khác cũng có thể tu học, nâng cao cảnh giới giống như mình, đây là phần lưu thông.

“*Đại sư Ngẫu Ích nói: Tự như đầu, ngũ quan đều đầy đủ. Chánh tông như thân, phủ tạng không thiếu. Lưu thông như chân tay, vận hành không ngừng.*” Đây là đại sư Ngẫu Ích, cả đời ngài, khi còn tại thế ngài cũng là giảng kinh dạy học. Cho nên người xuất gia thời xưa, đại sư Ngẫu Ích là người cuối thời Minh đầu thời Thanh,

sanh vào cuối thời nhà Minh, viên tịch vào thời nhà Thanh, là tổ sư đời thứ chín của Tịnh độ tông. Trước tác rất phong phú, tuy tuổi tác không cao lắm, sáu mươi mấy tuổi đã viên tịch rồi, nhưng ngài lưu lại trước tác hết sức phong phú, thật đúng là trước tác đồ sộ. Trong ba phần giải thích kinh, ngài đã nêu thí dụ, dùng con người chúng ta làm thí dụ, phần tự giống như đầu người, ngũ quan đầy đủ, chỉ cần vừa nhìn diện mạo thì biết được bạn là người như thế nào; kế tiếp là chánh tông thì giống như thân thể, bên trong có lục phủ ngũ tạng; phần lưu thông giống như tay chân, bạn có thể hoạt động, có thể khởi tác dụng. Tiếp theo cụ Niệm nói: *“Y theo ý của đại sư, tự như đầu (cái đầu) là chỉ phần tự của kinh cũng như người có cái đầu. Từ ngũ quan trên đầu (mày, mắt, tai, mũi, miệng) có thể nhìn ra được người ấy là thiện ác trí ngu”*, bạn vừa nhìn liền rõ ràng. *“Quán sát phẩm tự của một bộ kinh, liền có thể biết được toàn kinh là đại tiểu thiên viên.”* Trong phần tự bạn liền có thể thấy, trong phần tự đều có ý nghĩa biểu pháp, nếu như bạn hiểu được, vậy vừa xem phần tự thì liền rất rõ ràng, rất tường tận. *“Cho nên trong phần tự, cũng tất nhiên hàm chứa nghĩa văn sâu sa”*, điều này chẳng sai chút nào, trong phần tự chứa đựng những nghĩa sâu xa, nhất định chẳng khác gì chánh tông và lưu thông. *“Nay y theo tông chỉ của đại sư, phân chia bộ kinh này như sau”*, chia làm ba phần, phần thứ nhất từ phẩm 1 đến phẩm 3, đây là phần tự; phần thứ hai từ phẩm 4 đến phẩm 42 là phần chánh tông, nội dung chính của kinh này; phần thứ ba từ phẩm 43 đến phẩm 48, phần lưu thông này rất dài, tất cả đều thuộc về phần lưu thông. *“Việc chia làm ba phần ngày nay cũng giống với cách phân chia của hai vị Tịnh Ảnh và Gia Tường ở nước ta đối với bản Ngụy dịch của kinh này.”* Quy củ của tổ sư đại đức các đời đều giống nhau, nhất định chia một bộ kinh thành ba phần. Chia sớm nhất là pháp sư Đạo An, là sớm nhất. Sau này tuy các nhà đều chia thành ba phần, nhưng ba phần chia từ chỗ nào thì hoàn toàn không giống nhau, đó là vì mỗi vị có cách nhìn nhận riêng, điều này chúng ta cần phải tỉ mỉ mà quán sát, mà thể hội.

Tiếp theo là phần thứ nhất, *“phần tự”*, *“lại nữa, phần tự lại chia thành hai phần”*, trong phần tự có hai khoa lớn, thứ nhất là thông tự, thứ hai là biệt tự. *“Thông tự, còn gọi là chứng tín tự, các kinh đều có”*, mở đầu hết thầy kinh đều có. *“Như các vị Thiên Thai, Gia Tường v.v.”*, Thiên Thai là đại sư Trí Giả, Gia Tường là vị chú giải kinh Vô Lượng Thọ. *“Y theo luận Pháp Hoa lấy sáu loại thành tựu làm chứng tín tự. Sáu loại thành tựu, như đại sư Tông Mật nói”*, Tông Mật là tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, ngài là học trò Thanh Lương. Thứ nhất là tín, thứ hai là văn, thứ ba là thời, thứ tư là chủ, thứ năm là xứ, thứ sáu là chúng. *“Sáu duyên không đủ, giáo pháp chẳng hưng khởi”*, đây là nói về giáo học, giáo học nhất định phải có sáu

duyên này, vậy thì giáo học mới có thể thành tựu, thiếu một điều thì giáo học sẽ chẳng thể thành tựu, cho nên gọi là sáu loại thành tựu. Sáu loại thành tựu này, thứ nhất là tín thành tựu, trong phần sau sẽ nói đến. Chữ “như vậy” trong kinh văn, đó chính là tín thành tựu, nói rõ rằng bộ kinh này quả thật do Phật nói, chân thật đáng tin, đây gọi là tín thành tựu. Thứ hai là văn, văn là khi tôn giả A-nan kết tập kinh tạng, ngài nói: “Thích-ca Mâu-ni Phật nói kinh này, đích thân tôi nghe.” Chẳng phải là nghe nói lại, nên đáng tin cậy. Thứ ba là thời, bộ kinh được giảng vào thời gian nào. Thứ tư là chủ, là do ai nói, vị chủ này là Thích-ca Mâu-ni Phật, nhất định do Phật nói. Thứ năm là xứ, giảng ở nơi nào. Thứ sáu là chúng, khi giảng bộ kinh này có bao nhiêu người đang nghe. Thế nên giáo học này mới là viên mãn, trong đây thiếu một điều cũng không được, giáo học đều không thể thành tựu, cho nên đây là chứng tín. *“Dùng để chứng thực kinh văn, đích thực là Phật nói, chân thật đáng tin, nên gọi là chứng tín.”* Hai phẩm đầu trong kinh này đều là thuộc về chứng tín, phẩm thứ nhất là “Pháp hội thánh chúng”, phẩm thứ hai là “Đức tuân Phổ Hiền”, hai phẩm này đều là chứng tín, cũng chính là nói về sáu loại thành tựu.

Phẩm thứ ba mới là phần phát khởi của bộ kinh, phát khởi kinh này, *“còn gọi là phát khởi tự”*, đây là biệt tự. Chứng tín tự là phần đầu mà hết thấy các kinh văn đều có, cho nên gọi là thông tự. Tuy là có, nhưng trong đây quan trọng nhất là người nào tham gia, tức là đức hiệu của thượng thủ. Giống như hiện nay chúng ta nhìn vào một cuộc họp, bạn nhìn qua thấy những người nào tham dự liền biết cuộc họp ấy nhằm bàn thảo vấn đề gì. Nếu như hội nghị này toàn là giới giáo dục, nhân sĩ thuộc giới giáo dục, hiệu trưởng trường học hay phụ trách giáo vụ, người quản lý việc giáo dục, họ nhất định là thảo luận về giáo dục. Nếu như hội nghị này toàn là nhân viên tài chính kinh doanh tham dự, vậy họ nhất định bàn về kinh tế. Cho nên, bạn vừa nhìn thấy người nào tham dự thì liền biết được pháp hội này thảo luận vấn đề gì. Vì thế, tên gọi thượng thủ trong phần thông tự là không giống nhau, bạn liền biết được tính chất của bộ kinh này không giống nhau, nó thảo luận những gì. Phát khởi tự là *“nguyên do phát khởi toàn kinh”*. Vì sao Phật giảng bộ kinh này, trong phần phát khởi tự sẽ nói rõ nguyên nhân phát khởi của toàn bộ kinh. *“Bởi vì pháp không tự nhiên khởi, đã khởi ắt có nguyên do, các kinh đều riêng biệt khác nhau, nên lại gọi là biệt tự.”* Pháp nhất định là có nguyên nhân, không thể nói không có nguyên nhân mà nó lại sanh khởi lên được, nhất định là có nhân duyên. Đây chính là vì nhân duyên phát khởi của mỗi bộ kinh không giống nhau, cho nên gọi là biệt tự.

“Ví dụ như Tiểu bản kinh A-di-đà”, phát khởi của kinh A-di-đà là không có ai hỏi, mà là Phật tự nói ra. Đây là chuyện như thế nào? Pháp môn này quá quan trọng,

tuy không có ai khai thính, không có ai thính pháp, nhưng Phật thấy duyên của hết thảy chúng sanh đã chín muồi. Duyên như thế nào gọi là chín muồi? Có người nghe xong có thể tin, có thể lý giải, có thể phát nguyện, có thể nương theo phương pháp này tu hành vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, tuy không có ai đến hỏi, nhưng Phật thấy trong đại chúng có người như vậy, cho nên chẳng cần hỏi, đức Phật tự mình liền nói ra. Cũng chính vì pháp môn này là pháp khó tin, nên không có người nào có thể hỏi ra được. Vì sao vậy? Phạm phu một đời thành Phật, ai có thể tin tưởng? Nếu bạn nói tu hành ba đại a-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp mới có thể thành tựu, điều này có rất nhiều người tin tưởng. Phạm phu nghiệp chướng sâu nặng, một đời liền có thể thành Phật, vấn đề này xưa nay chưa có ai nghĩ đến, cho nên không có người hỏi. Thế nhưng Phật thấy trong chúng sanh này quả thật có loại căn cơ ấy, họ thật sự hiểu được, họ thật sự làm, họ một đời liền thành tựu. Bạn nói xem pháp môn này thù thắng biết bao! Pháp môn thù thắng không gì bằng, cho nên Phật chẳng đợi ai hỏi, tự mình nói ra. Còn bộ kinh này, *“kinh này là do Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành”*, chúng ta có thể thấy điều này ở phần cuối của biệt tự, dùng cách này để dẫn dắt tôn giả A-nan đến khai thính, đặt câu hỏi. *“Mỗi kinh đều khác nhau, nên gọi là biệt tự. Phẩm thứ ba của kinh này thuộc về biệt tự”*, đó chính là phần biệt tự của bộ kinh này. Từ phẩm thứ tư về sau là phần chánh tông.

Trước hết chúng ta xem đoạn lớn thứ nhất của thông tự: **PHẨM THỨ NHẤT: PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG**. Trong đây có học vấn lớn, tuy kinh văn không dài, chỉ có bốn hàng kinh văn. Chúng ta đọc kinh văn:

Ta nghe như vậy: Một thuở nọ, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương Xá. Cùng với chúng đại tỳ-kheo một vạn hai ngàn người. Hết thảy là đại thánh đã đạt thần thông, tên các ngài là: tôn giả Kiều-trần-như, tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp, tôn giả A-nan v.v., đều là thượng thủ. Lại có Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Di-lặc, cùng hết thảy Bồ-tát trong Hiền kiếp đều đến tụ hội.

Phần thông tự này, đoạn này chỉ giảng đến đây. Đoạn kinh văn này, chúng ta xem trong năm bản dịch gốc, trong mỗi bản liệt kê số người rất nhiều. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư khi hội tập chỉ chọn năm vị tôn giả để làm đại biểu, ba vị Bồ-tát, năm vị đệ tử thường theo, đây là đã lược bớt đi rất nhiều. Năm vị này có thể làm đại biểu cho toàn kinh hay không? Có thể, từ năm vị liền thấy ra được nghĩa thú của toàn kinh, tức là nghĩa lý hướng tới của toàn kinh. Hiện nay chúng ta học tập kinh văn. Câu đầu tiên là “ta nghe như vậy”, trong phần thông tự, ở đầu mỗi bộ kinh đều có bốn chữ này. *“Các kinh đều đặt bốn chữ này ở đầu kinh, ấy là tuân theo di giáo của Thế*

Tôn.” Kinh văn được mở đầu bằng bốn chữ ấy, đây là lời dạy bảo của Thích-ca Mâu-ni Phật. Tiếp theo lại nói, “*Thế Tôn sắp nhập bát-niết-bàn*”, khi Thích-ca Mâu-ni Phật sắp viên tịch. “*A-nan đau buồn không tìm nổi*”, tôn giả A-nan rất đau buồn, tuy ngài đã chứng Sơ quả, nhưng tình chấp vẫn còn rất sâu. Ngài A-nê-lâu-đà bảo A-nan, chính là ngài A-nậu-lâu-đà trong kinh Di-đà. “*Đau buồn có ích gì*”, Phật sắp diệt độ rồi, lão nhân gia rời khỏi chúng ta, đau buồn có lợi ích gì? Có ích lợi chi đâu? Ông phải mau chóng đến gặp Phật để hỏi bốn việc quan trọng. Trong bốn việc quan trọng này, ngài chỉ nhắc tới một chuyện. Trong kinh Niết-bàn, tình hình lúc đó được ghi chép rất rõ ràng. Ngài A-nê-lâu-đà bảo tôn giả A-nan, bởi vì A-nan đã nghĩ không ra được, ngài nói sau khi Phật diệt độ, có bốn chuyện lớn cần phải chính miệng Phật căn dặn.

Thứ nhất, khi Phật tại thế thì tất cả chúng con nương Phật làm thầy, nương Phật mà trụ, Phật ở nơi đâu thì chúng con đều cùng theo đó, nay Phật không còn nữa, chúng con biết nương theo ai? Chính là trong nhà Phật nói nương vào người nào mà trụ? Có ai đại diện cho Phật không? Phật trả lời, không có phước cho bất kỳ cá nhân nào, “y theo tứ niệm xứ mà trụ”. Nương vào tứ niệm xứ mà trụ, chẳng khác gì nương vào Phật mà trụ. Phần thứ nhất trong 37 đạo phẩm là tứ niệm xứ. Điều đầu tiên trong tứ niệm xứ, Phật dạy chúng ta “quán thân bất tịnh”, bạn phải thường nghĩ đến thân thể này không phải là thứ sạch sẽ, đừng lưu luyến thân thể này, đừng thường xuyên vì thân thể này mà sanh phiền não, vì thân thể này mà tạo nghiệp chướng, làm vậy thì bạn đã sai rồi, thân là giả. Trong Phật pháp thường nói “mượn giả tu thật”, chúng ta dùng cái thân thể giả tạm này để tu hành, nâng cao linh tánh của chính mình, điều này quan trọng, thân là công cụ, bạn phải khéo lợi dụng nó, đừng lợi dụng nó tạo nghiệp, phải lợi dụng nó tu hành, như vậy thì đúng. Không biết tu hành, vậy chắc chắn sẽ tạo nghiệp! Quả báo của tạo nghiệp, tạo nghiệp thiện thì sẽ vào ba đường thiện để tiêu nghiệp, ba đường thiện hay ba đường ác đều nhằm tiêu nghiệp chướng, nghiệp chướng có thiện ác, tạo nghiệp bất thiện sẽ vào ba đường ác để tiêu nghiệp, bạn thấy đều là tiêu nghiệp, là bình đẳng. Tại sao vậy? Trong tâm thanh tịnh của tự tánh không có nghiệp chướng, nghiệp thiện lẫn nghiệp ác đều không có. Nghiệp ác không tốt, nghiệp thiện cũng không tốt! Phải giác ngộ điều này, chỉ cần tạo nghiệp thì bạn sẽ không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Ở trong lục đạo luân hồi thì chắc chắn thời gian bạn ở đường ác dài, thời gian bạn ở đường thiện ngắn, đây là sự thật, chúng ta không thể không cảnh giác. Tại vì sao? Phiền não là sanh ra đã có, thiện ác đều là phiền não, phải biết điều này, chúng đều là phiền não. Trong đây thiện ít ác nhiều, trong luận Bách Pháp Minh Môn đã quy nạp những phiền não, nghiệp này (nghiệp

chương) thành 26 loại, là cái bất thiện; còn cái thiện, thiện cũng quy nạp thành 11 loại. Bạn so sánh thử xem giữa hai cái này, ác nhiều hơn thiện còn hơn gấp đôi, ác có 26, thiện chỉ có 11, chúng ta có thể tưởng tượng ra, vì sao con người học điều tốt rất khó, học chuyện xấu lại rất dễ, bạn liền biết ngay. Tự tánh không có thiện ác, nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện vạn pháp, có thể sanh vạn pháp. A-lại-da có thể biến, trong a-lại-da có thiện ác, có nhiễm tịnh. Vì thế Phật thường nói trong kinh rằng “hết thấy pháp từ tâm tướng sanh”.

Hãy nhìn hoàn cảnh bên ngoài của chúng ta, hoàn cảnh nếu có thánh nhân trụ thế thì hoàn cảnh thiện nhiều ác ít; không có thánh nhân trụ thế thì hoàn cảnh này chắc chắn là ác nhiều thiện ít. Xã hội hiện thời của chúng ta quả thật là quá rõ rệt, nói rõ điều gì? Nói rõ thời đại này không có người thiện, không chỉ nơi chúng ta đang sống không có người thiện, mà cả thế giới đều không có. Người thiện xuất hiện trên thế gian, đặc biệt là đại thánh đại hiền, chư Phật Bồ-tát, các ngài thật sự từ bi. Vì sao các ngài không đến? Không có chúng sanh cảm, cảm ứng, cho nên các ngài sẽ không ứng. Trong tâm chúng ta hằng ngày mong mỏi Phật Bồ-tát hiện đến, các ngài có đến hay không? Các ngài không đến. Cảm của chúng ta, vì sao các ngài không ứng? Cảm của chúng ta không phải chân tâm, cho nên các ngài không đến, chân tâm thì các ngài sẽ đến. Mục tiêu đầu tiên của chúng ta khi cầu Phật Bồ-tát là gì? Làm sao bảo hộ mình, phù hộ mình thăng quan phát tài, cho nên các ngài không tới. Nếu như khi bạn khởi lên ý niệm này, không phải vì bảo hộ mình, chúng sanh trong thế gian quá khổ rồi, cầu Phật Bồ-tát đến giúp đỡ thế giới này cứu khổ cứu nạn, các ngài sẽ đến ngay. Chúng ta ngày nay, bạn thấy các tai nạn này, bao nhiêu người cầu nguyện trên toàn thế giới? Nhưng họ vì ai mà cầu nguyện? Đâu có ai mà không vì chính mình? Cũng có vì chúng sanh, nhưng vì chính mình là chủ yếu, chúng sanh chỉ là kèm thêm. Tâm thái như vậy làm sao bạn cảm động Phật Bồ-tát cho được? Đâu có đạo lý này! Phải làm như thế nào? Hoàn toàn không có bản thân. Hoàn toàn không có bản thân, vậy thì không phải là người bình thường, trong quá khứ luôn là có nền tảng tu học thánh hiền, trong a-lại-da-thức có hạt giống mạnh mẽ, đời này gặp thiện duyên, gặp được thiện hữu đến giúp đỡ họ, họ đã giác ngộ, họ đã hiểu rõ, người như vậy hẳn cảm liền sẽ có ứng. Cho nên quán thân bất tịnh quá quan trọng. Tu học Phật pháp, nếu muốn nhập môn, điều thứ nhất là buông xuống thân kiến, đừng chấp trước thân là ta. Thân không phải là ta, thì thân là gì? Thân là cái ta sở hữu, giống như quần áo, quần áo không phải là ta, mà là cái ta sở hữu, thân thể cũng là cái ta sở hữu, chẳng phải là ta. Phật dạy chúng ta hãy nương vào cái này mà trụ.

Thứ hai là “quán thọ là khổ”, thọ là gì? Thọ là hưởng thụ. Thích-ca Mâu-ni Phật đã làm được, năm xưa khi còn tại thế là ăn một bữa giữa ngày, ngủ một đêm dưới cây, toàn bộ tài sản là ba y một bát, đó là toàn bộ tài sản của ngài, thứ gì cũng không có. Không giống người thế gian chấp trước thân là ta, phải vì hưởng thụ của cái thân này, vì mắt tai mũi lưỡi thân, lại còn thêm ý, vì hưởng thụ của sáu căn, tạo đủ thứ tội nghiệp. Trong khi hưởng thụ, dường như là vui, đó không phải là vui chân thật, tại vì sao? Sau khi vui qua thì khổ liền đến ngay, vui sẽ biến thành khổ, đâu phải là chân thật? Chúng ta bình tâm quan sát, không gì ngoài việc đang tạo nghiệp ác. Sát sanh ăn thịt, cho rằng đó là vui, đâu biết rằng những thứ bạn ăn đều là chúng sanh hữu tình, đó là sanh mạng. Bạn giết nó, nó có cam tâm tình nguyện bị bạn giết hay không? Phật đã nói trong kinh, “người chết làm dê, dê chết làm người”, hiện nay con người ăn dê, đời sau nó đầu thai làm người, những người hiện nay ăn dê, sau khi chết đi đầu thai làm dê, lại bị nó ăn thịt, oan oan tương báo không bao giờ dứt. Nếu bạn thấy được nhân quả ba đời thì bạn sẽ biết được, nhân quả thông ba đời. Không phải nói thân người chết đi là xong, làm gì có chuyện dễ dàng như vậy? Tôi trong các buổi giảng, trước đây tôi thường nói, không thể chết, chết rồi thì khủng khiếp lắm! Đây là lời thật. Không thể chết, vậy làm sao mới làm được không thể chết? Niệm Phật sẽ không chết. Bạn phải biết rằng, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là sống mà ra đi, không phải chết rồi mới ra đi, bạn phải hiểu rõ ràng. Khi bạn lâm chung, đầu óc tỉnh táo, tai mắt sáng suốt, bạn thấy A-di-đà Phật đến tiếp dẫn bạn, rồi đi theo ngài, thân thể này không cần nữa, vứt bỏ, sống mà ra đi, không phải là chết rồi mới ra đi. Cho nên pháp môn này là pháp môn không chết, ai có thể hỏi ra được điều này? Vì thế kinh Di-đà không ai hỏi mà tự nói. Hơn nữa bất luận người nào, chỉ cần bạn tin tưởng, đối với ba điều kiện, tín nguyện hạnh, chỉ cần đầy đủ ba điều kiện này, không một ai mà không vãng sanh, pháp môn này đến nơi đâu để tìm? Bất luận tạo bao nhiêu tội nghiệp cũng không sợ, chỉ cần bạn vừa chuyển ý niệm, thật sự cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận A-di-đà Phật, nghiệp chướng liền tiêu mất ngay. Những nợ sinh mạng, nợ tình cảm, nợ tiền tài mà bạn đã thiếu chúng sanh trong quá khứ và hiện tại, sau khi bạn thành Phật rồi, thì dù họ đang ở bất kỳ đường nào, bạn đều thấy rõ ràng tường tận. Bạn sẽ không trái với bốn nguyện của mình, bạn nhất định đi giúp đỡ họ, giúp đỡ họ giác ngộ, giúp đỡ họ niệm Phật vãng sanh thành Phật. Vậy thì ân oán đều báo xong! Đối với những oan gia đối đầu đó là dùng đức báo oán. Thế nên phải hiểu được, những gì chúng ta đang thọ nhận đúng thật là khổ! Trong kinh, Phật nói về tam khổ, bát khổ, ở phần văn sau sẽ giảng đến.

“Quán tâm vô thường”, tâm chính là vọng tâm của bạn, chân tâm thì bạn sẽ không quán được, đây là chân tâm đã bị mê, đây là vọng tâm, vọng tâm là vô thường. Thật ra, Bồ-tát Di-lặc nói trong một khảy ngón tay có 320 ngàn tỷ niệm, đó gọi là vô thường. Nó không phải là như như bất động, vọng niệm tán loạn, niệm trước diệt thì niệm sau khởi lên, tốc độ quá nhanh. “Quán pháp vô ngã”, ngã là gì? Ngã có nghĩa là chủ thể, có nghĩa là tự tại. Bạn lắng lòng mà quan sát, trong hết thảy pháp đều không có chủ thể, đều là tùy duyên, duyên sanh duyên diệt, trong đây không có chủ thể, không có tự tại. Chỉ khi nào càng gần với tánh đức thì mới phát hiện có chủ thể, có tự tại. Cho nên trong Phật pháp có, minh tâm kiến tánh, bốn đức thường lạc ngã tịnh liền hiện tiền. Ngã ấy là chân ngã, chân lạc. Thường, là vĩnh hằng bất diệt. Lạc, là không có bất cứ khổ nào, lìa khổ chính là lạc, chủ thể chân thật, tự tại xuất hiện. Khi đại sư Huệ Năng kiến tánh, câu nói đầu tiên của ngài là “nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, tâm thanh tịnh đã hiện tiền, pháp thanh tịnh đã hiện tiền, thấy hết thảy pháp đều thanh tịnh. Đây là câu hỏi thứ nhất, “chúng con nên nương vào ai mà trụ?” Phật nói “nương vào tứ niệm xứ mà trụ”.

Câu hỏi thứ hai là, khi Phật tại thế, chúng con đều lấy Phật làm thầy, Phật không còn nữa, chúng con nương ai làm thầy? Phật pháp quả thật có người truyền thừa, truyền tông môn là tôn giả Đại Ca-diếp, truyền giáo hạ là tôn giả A-nan. Phật không có nói nương theo Ca-diếp hay A-nan làm thầy, không có, Phật không nói như thế. Phật dạy chúng ta “lấy giới làm thầy”, chỉ cần bạn có thể trì giới, vậy sẽ chẳng khác gì Thích-ca Mâu-ni Phật tại thế. Phật còn thường nói “lấy khổ làm thầy”, tại vì sao? Có thể chịu khổ thì có thể trì giới, không thể chịu khổ sẽ không thể trì giới, chắc chắn bạn sẽ phá giới phạm giới. Vì thế, lấy giới làm thầy, phải lấy khổ để phụ trợ bạn trì giới, bạn thành tựu tịnh giới thì bạn mới có thể đắc định. Nhờ giới đắc định, nhờ định khai tuệ, bạn mới có thể thành tựu. Nếu không có giới, Phật pháp này liền biến thành Phật học. Quý vị phải biết, có giới thì là học Phật, không có giới chính là Phật học. Không có giới thì không có định, cũng chẳng có tuệ, xem Phật học như một loại học thuật thế gian để nghiên cứu, không liên quan gì đến đời sống của chúng ta, thế thì sai mất rồi, toàn thể Phật pháp đã biến chất. Do vậy, hiện tại tìm Phật pháp ở thế gian này, đến nơi đâu để tìm? Tìm không thấy rồi. Vào thời xưa đến đâu cũng tìm thấy, trong tất cả tự viện am đường đều là trường học, giống như bây giờ gọi là trường học chuyên khoa, bạn muốn học thứ gì đó, bạn đến trường đó để học. Núi Thiên Thai ở tỉnh Chiết Giang, là trường chuyên khoa của tông Pháp Hoa, bạn thích kinh Pháp Hoa thì đến núi Thiên Thai. Thích kinh Hoa Nghiêm thì đến núi Ngũ Đài, núi Ngũ Đài là trường chuyên khoa của tông Hoa Nghiêm. Thích Pháp tướng duy

thức, bạn đến chùa Đại Từ Ân ở Trường An, bây giờ là Tây An, đại sư Huyền Trang, đại sư Khuy Cơ đều dạy học nơi đó. Thích Tịnh độ, đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn tỉnh Giang Tây mở trường chuyên khoa ở nơi đó. Gần như mỗi một tự viện am đường đều có khóa trình chủ tu, bạn đến nơi đó, thật sự có cao nhân, hướng dẫn bạn, chỉ dạy bạn, bạn đi cầu học, có thể y chỉ ở nơi đó, thân cận thiện tri thức. Bây giờ thì không còn nữa.

Khi tôi học Phật, muốn tìm một nơi, nhưng tìm không ra. Đi khắp nơi trên toàn thế giới, đã tìm 59 năm mà vẫn chưa tìm ra. Kể ra vận số cũng không tệ, có mấy vị cư sĩ hộ trì, không đến nỗi phải hoàn tục, nếu không thì chẳng có đường nào để đi. Học hết sức cực khổ! Điều khó được là, thuở đầu tôi thân cận ba vị thầy, theo thầy 13 năm, cảm xuống cái rễ này. Không có 13 năm nền tảng này, chính bạn muốn tự học, bạn không thể nào được, cũng không có cách nào. Vì thế người xưa nói “mười năm đèn sách, một bước thành danh”, là có đạo lý. Không có 10 năm công phu, hơn nữa 10 năm còn phải thâm nhập một môn, huân tu dài lâu, bạn mới có thể thành tựu. Người hiện nay khác hẳn người xưa, cũng chịu ảnh hưởng bởi hoàn cảnh, học rộng nghe nhiều, họ học rất nhiều thứ, lãng phí rất nhiều thời gian, rốt cuộc học được gì? Rộng mà không tinh. Người xưa dạy học không như vậy, tôi theo thầy Lý 10 năm, 10 năm chỉ học 5 bộ kinh. Tôi đã nói qua với quý vị, tôi đã học hơn 30 bộ kinh, đều là dự thính, thầy dạy đồng học khác, tôi nghe ké, còn bản thân tôi học chỉ có 5 bộ. Nói ra thì quý vị nghe có vẻ rất đơn giản, bộ thứ nhất tôi học là kinh A-nan Vấn Sự Phật Cát Hung, bộ thứ hai là kinh A-di-đà, bộ thứ ba là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, chỉ là một quyển, tức quyển giảng về mười đại nguyện vương, quyển cuối cùng, bộ thứ tư là kinh Kim Cang, bộ thứ năm là kinh Lăng-nghiêm, 10 năm!

Khi dạy thì thầy quy định rất nghiêm ngặt, nhưng thầy không ép buộc học trò, tại vì sao? Thời đại hiện nay là dân chủ tự do cởi mở, nếu bạn quản thúc quá chặt, vậy bạn vi phạm nhân quyền, chuyện này không được rồi, sẽ phải ngồi tù. Cho nên không giống với trước kia, trước kia cha mẹ có thể dạy con cái, thầy có thể dạy học trò, hiện nay thì không được, chỉ có thể nói là thân phận đồng học, đưa ra kiến nghị cho bạn làm tham khảo, bạn chấp nhận hay không thì bạn có quyền làm chủ, quyền làm chủ này rất thần thánh, ai cũng không thể can thiệp. Vì vậy trong thời đại này có thể thành tựu hay không là do chính mình chịu trách nhiệm, thầy có muốn lãnh trách nhiệm cũng chẳng thể được, học trò có nghe lời bạn đâu. Chúng tôi vẫn còn tính là ngoan một chút, nghe lời, nên mới có một chút thành tựu nhỏ; nếu chẳng nghe lời, tôi cũng đi học rộng nghe nhiều thì xong rồi. Lời người xưa nói quả thật có đạo lý, một kinh thông thì hết thầy kinh thông. Chúng ta tuy một kinh chưa thông, thế nhưng

công phu bỏ ra trên một bộ kinh là rất nhiều. Một bộ kinh phải học rất nhiều lần, không phải một lần là xong, mỗi lần không giống nhau, dần dần mới nắm được vị pháp. Đặt nền tảng vững vàng rồi, đối với kinh chưa học, bản thân bạn muốn học tập sẽ không khó. Chẳng hạn như tôi chưa từng học kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa cũng chưa từng học, nhưng tôi đều giảng qua. Công phu dùng trong kinh Lăng-nghiêm, học Lăng-nghiêm với thầy Lý, tôi đã giảng kinh Lăng-nghiêm bảy lần, đây là nền tảng, đó cũng là một bộ kinh lớn. Tôi nhớ năm 1977, lần đầu tiên tôi sang Hồng Kông, giảng kinh Lăng-nghiêm đã giảng suốt bốn tháng, lần ấy pháp duyên cũng thù thắng.

Thế nên đạo thầy trò ngày nay rất khó thành tựu, điều này có nguyên nhân, tại vì sao? Trong thời đại hiện nay, đạo cha con không còn nữa, Phật pháp là sư đạo, sư đạo xây dựng trên nền tảng hiếu đạo, xã hội này hiếu đạo không có, sư đạo đương nhiên cũng không có. Cho nên vấn đề này rất nghiêm trọng, chẳng phải là vấn đề nhỏ, nó quan hệ đến sự tồn vong của mạng mạch văn hóa truyền thống quốc gia dân tộc. Chân thật cần điều gì? Cần Bồ-tát tái lai, chân thật phát đại tâm, phải có sứ mệnh, hy sinh tính mạng cũng chẳng màng, đến học tập văn hóa truyền thống. Sau khi học xong, sẽ dạy văn hóa truyền thống, phát huy rực rỡ văn hóa truyền thống. Đó là gì? Đó chính là đáng cứu thế, đó là Phật Bồ-tát tái lai, chẳng phải người phàm. Người phàm đến thế gian để làm việc danh văn lợi dưỡng, đều đi hưởng thụ niềm vui của ngũ dục lục trần, đến làm những chuyện này. Cho nên Phật dạy lấy khổ làm thầy, vô cùng có đạo lý, thật sự có thể chịu khổ, thật sự có thể nhẫn nhục, vậy họ mới có thành tựu. Họ nhất định thành tựu giới luật, mục tiêu của giới luật là gì? Mục tiêu của giới luật là tâm thanh tịnh. Chỉ có trì giới thì bạn mới khôi phục được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh chính là thiên định. Có công phu định lực ở độ sâu nhất định, trí tuệ sẽ khai.

Thiên định này, quý vị phải biết, chúng ta hãy nói đến thiên định thì trong đầu mọi người đều nghĩ đến ngòi xếp bằng quay vào vách, đó gọi là tham thiên, đó là phương pháp sơ học của Thiên tông. Bạn nhất định phải biết, thiên định là nghĩa rộng, không phải là nghĩa hẹp, 84.000 pháp môn thầy đều là thiên định, phương pháp tu học thiên định không giống nhau, đường lối không giống nhau, nên gọi là pháp môn! Nó không phải là tu thiên định, đó không phải là Phật pháp; nếu nó là tu thiên định, thì gọi là Phật pháp. Tịnh độ tông, chúng ta hiện nay dùng phương pháp gì để tu thiên định? Hiện nay chúng ta dùng một câu Phật hiệu A-di-đà Phật này, dùng phương pháp chấp trì danh hiệu để tu thiên định. Cách tu ra sao? Bạn trước tiên phải hiểu thiên định nghĩa là gì, hai chữ thiên định này giảng như thế nào, cái gì gọi là

thiền, cái gì gọi là định? Ngoài không chấp tướng gọi là thiền, trong không động tâm gọi là định, 84.000 pháp môn đều là tu phương pháp này. Chúng ta mới có một chút chấp trước, mới có một chút phân biệt, liền A-di-đà Phật! Tổ sư Tông môn nói là “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, thiền định là giác, ý niệm mới khởi, bất luận niệm thiện hay niệm ác, ý niệm vừa khởi thì sai rồi. Tại vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có ý niệm. Ý niệm vừa khởi thì phải làm sao? Quay về A-di-đà Phật, thầy đều tập trung vào A-di-đà Phật. Tới thế giới Tây Phương Cực Lạc, A-di-đà Phật cũng không có nữa, bạn liền minh tâm kiến tánh. Đây là dùng một ý niệm này để đánh tan tất cả ý niệm khác, Tịnh tông là dùng phương pháp này, đây gọi là biết niệm Phật. Dùng phương pháp niệm Phật này để đạt đến minh tâm kiến tánh, đạt tới đại triệt đại ngộ.

Bất luận là pháp môn nào, Tịnh tông cũng không ngoại lệ, mục tiêu cuối cùng là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Vì vậy trong kinh Bát-nhã, Phật nói “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, lời này là thật chứ không phải giả, phương pháp không giống nhau, phương hướng giống nhau, mục tiêu giống nhau. Bởi vậy bạn không có giới thì làm sao được? Bạn không thể chịu khổ thì bạn không thể trì giới; bạn không thể trì giới thì bạn không thể đắc định; không thể đắc định, làm sao có thể khai tuệ? Vậy thì những điều bạn mong cầu, điều nghiên cứu là Phật học, là pháp thế gian. Chúng ta không thể không biết! Một bộ kinh A-di-đà có thể giúp bạn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bạn ở thế gian này, bạn thông minh, bạn hiếu học, bạn nghiên cứu thấu triệt tam tạng mười hai bộ kinh của Thích-ca Mâu-ni Phật, học thuộc lòng, bạn không có giới. Không có giới, nói đến chữ này, bạn phải hiểu rằng, bạn không có giới định tuệ. Đó chính là điều mà thầy Lý trước đây thường nói, bạn trong lục đạo luân hồi đáng sanh tử như thế nào thì vẫn sanh tử như thế ấy, bạn một chút cũng không có phương pháp. Không thể xem thường những ông cụ bà lão, không thể khinh thường họ, họ là một bộ kinh Di-đà, một câu A-di-đà Phật, niệm mấy chục năm, khi lâm chung, đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, biết trước giờ đi. Đó là gì? Giới định tuệ đã thành tựu, nó hữu hiệu! Họ tới thế giới Tây Phương Cực Lạc làm Phật, còn bạn vẫn luân hồi trong lục đạo.

Quý vị phải biết đây là chân tướng sự thật, bạn mới hiểu được. Năm 2007, nhà Hán học của Cambridge, giáo sư nổi tiếng, giáo sư David McMullen, sang Hồng Kông để tìm tôi, hy vọng tôi sang Đại học Cambridge mở một học viện, ông ấy đã chọn sẵn tên cho tôi rồi, [Học viện] Phật học Đại thừa, thuộc Đại học Cambridge. Tôi rất cảm kích ông, ông thật sự là ý tốt, Đại học Cambridge xếp hạng thứ ba trên toàn thế giới. Quy chế giáo dục của nước Anh như Oxford, Cambridge, nói chung

đều có từ 50 học viện trở lên, họ là theo quy chế này. Tôi cảm ơn ông, tôi nói tôi không thể đi. Tại vì sao? Quy chế, quy ước trong trường họ là nghiên cứu Phật học, không tu giới định tuệ, họ là nghiên cứu Phật học, không phải là học Phật. Quý vị phải biết, Phật học và học Phật là hai chuyện khác nhau, học Phật có giới định tuệ, không có giới định tuệ sẽ là Phật học, chẳng phải là học Phật. Phật học, đó là trí thức, học Phật là trí tuệ, không giống nhau! Trí tuệ và trí thức là hai sự việc. Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, không để lại di chứng về sau; trí thức giải quyết vấn đề, sẽ để lại cả đống di chứng về sau, điều này chúng ta không thể không biết. Do vậy, ngài A-nậu-lâu-đà đã bảo A-nan hỏi bốn vấn đề này, rất quan trọng. Lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy. Chúng ta không coi trọng chuyện này thì coi như xong rồi. Bạn ở trong thế gian này dùng Phật pháp để đạt danh văn lợi dưỡng, được, bạn có thể đạt được. Bạn nói khoa Hán học của châu Âu, lấy kinh Phật để làm luận văn, lấy học vị tiến sĩ, không có vấn đề gì, có thể đạt được học vị tiến sĩ, tương lai cũng có thể là một vị giáo sư, nhà Hán học nổi tiếng. Thầy Lý nói, đáng sanh tử như thế nào thì vẫn sanh tử như thế ấy, bạn không có cách nào vãng sanh thành Phật.

Câu hỏi thứ ba, cũng là hỏi rất hay. Chúng ta hiện nay thì hiện tượng này rất nhiều, trong đoàn thể có người xuất gia không tuân thủ quy củ, phải làm sao đây? Khi Phật tại thế, Phật sẽ quản họ, Phật sẽ giáo huấn họ. Nay Phật không còn nữa, sau này gặp những người như vậy thì ai sẽ giáo huấn họ? Phật nói ra một phương pháp rất hay, đừng để ý đến họ, gọi là “mặc tẩn”, mặc tẩn chính là không để ý đến họ, dùng phương pháp này. Chính là “kính mà tránh xa” mà Khổng lão phu tử của Trung Quốc nói, không kết oán với người. Chúng tôi nghe được giáo huấn của thánh nhân, tôi theo thầy Lý mười năm, tôi thấy lão nhân gia đã làm được. Trong đoàn thể của thầy cũng có những học trò không nghe lời, bằng mặt mà không bằng lòng, thầy đối với họ như thế nào? Chúng tôi thấy thầy đúng là kính mà tránh xa, gặp họ thì thầy nhất định rất tôn kính, có lễ độ, đều rất hoan hỷ. Tránh xa là gì? Tránh xa chính là bạn tùy ý làm gì cũng tuyệt đối không can thiệp, không nghe không hỏi bạn, bạn thích làm gì thì làm. Đúng rồi, đây là chính xác, lão nhân gia đã làm gương cho chúng ta thấy. Trong xã hội hiện tại, điều này vô cùng quan trọng, phải biết kính mà tránh xa đối với người bất thiện. Tránh xa, không phải là cố ý giữ khoảng cách, không phải vậy, gặp mặt vẫn rất thân thiết, hết sức khách sáo, lễ tiết gì cũng chu đáo. Chính là bạn làm gì, không can thiệp bạn; tôi làm gì, bạn cũng không can thiệp tôi, đây không phải là rất dễ chung sống hay sao? Mọi người đều hoan hỷ hay sao? Thích-ca Mâu-ni Phật đúng là có trí tuệ, thật sự có trí tuệ, đây chính là nói đến hòa hợp, đây mới chân thật làm được hòa hợp. Phải học không phê bình người khác, không can thiệp

người khác, chính mình làm gương tốt cho người khác thấy, điều này rất quan trọng. Họ thấy hiểu, có cảm nhận, rất tốt; thấy mà không hiểu, chẳng sao, thấy lâu thì họ sẽ hiểu. Một năm, hai năm thấy mà không hiểu, 10 năm, 20 năm có lẽ họ thấy hiểu, điều này không nhất định. Vì thế thái độ nhu hòa chất trực quan trọng! Oai nghi đúng mực, chính là mình phải làm ra được giới định tuệ. Câu hỏi thứ tư chính là, mọi người đều biết, tương lai nhất định phải đem những gì mà cả đời Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói, đã dạy, chúng ta ghi chép lại thành văn tự để truyền lại cho đời sau. Vậy thì phần đầu của kinh văn này, câu đầu tiên phải dùng là gì? Thế Tôn chỉ dạy, dùng “ta nghe như vậy”. Đây là khi Phật diệt độ, A-nan hướng về Thích-ca Mâu-ni Phật hỏi bốn vấn đề. Đây là vấn đề thứ tư trong bốn vấn đề, “*nơi đâu hết thầy kinh nên đặt ta nghe như vậy, Phật ở nơi nào v.v, gồm sáu việc*”. Ta nghe như vậy, Phật vào lúc nào, ở địa điểm nào, cùng với người nào, tức là sáu việc đã nói trong phần trước, chính là sáu loại thành tựu.

“Ta nghe như vậy”, chữ ta này chính là A-nan. A-nan vừa mở miệng liền bảo với mọi người, “như vậy” là chỉ những điều tôi nghe được, giáo huấn của Phật-đà, chính là bộ kinh này, khi Phật giảng bộ kinh này, là đích thân tôi nghe Phật nói. “*Biểu thị pháp môn như vậy là do A-nan tôi được nghe từ nơi Thích Tôn. Câu này đã phá đi nỗi nghi ngờ của người đương thời.*” Bởi vì khi kết tập kinh tạng, tôn giả A-nan phúc giảng, tức là giảng lặp lại một lần nữa những gì Thích-ca Mâu-ni Phật đã giảng. Phúc giảng là đại sự, Phật pháp mới có thể lưu truyền mười phương ba đời, công đức này là vô lượng vô biên! Cho nên A-nan lên tòa, không chỉ Thích-ca Mâu-ni Phật gia trì, hết thầy chư Phật cũng đều gia trì ngài. Thế nên A-nan ở trên pháp tòa, tướng mạo đó giống như Phật vậy, cho nên mọi người hoài nghi, có phải là A-nan thành Phật rồi chẳng? Hay là Phật từ phương khác đến? Cho nên thứ nhất là nghi Phật, Thích-ca Mâu-ni Phật tái lai rồi, lại đến rồi, thứ hai là nghi A-nan thành Phật, thứ ba là hoài nghi có Phật từ phương khác đến. A-nan vừa nói “ta nghe như vậy” thì những nghi vấn này liền được giải quyết, mọi người đều hiểu trên tòa là tôn giả A-nan. Cho nên các đồng học thường nghe giảng kinh, có khi bạn có thể phát hiện ra, người giảng kinh ở trên giảng đài đều có Phật Bồ-tát gia trì, không có Phật Bồ-tát gia trì thì họ không giảng ra được. Cho nên giảng trên giảng đài, oai nghi của họ, tướng mạo thần thái của họ khác với lúc ở dưới giảng đài. Quan sát tỉ mỉ có thể nhận ra, đây chính là thật sự được tam bảo gia trì.

Tiếp theo còn có câu hỏi, “*hoặc nghi rằng: Phật thành đạo 20 năm thì A-nan mới xuất gia*”. Phật thành đạo là vào năm 30 tuổi, lúc ấy A-nan mới sanh ra, lại phải qua 20 năm sau A-nan mới xuất gia, A-nan 20 tuổi xuất gia, Thích-ca Mâu-ni Phật

đã 50 tuổi. Khoảng thời gian trước đó, một số kinh Phật giảng thì A-nan chưa hề nghe qua, khi kết tập làm sao ngài có thể phúc giảng được? Chúng ta đọc tiếp kinh văn, *“lại 10 năm sau mới vãng mệnh làm thị giả. Như thế, những kinh do Phật nói 30 năm trước đó, A-nan sao có thể đều nói là ta nghe”*. Khi kết tập kinh tạng, phía trước đều thêm “ta nghe như vậy”, quả thật có nghi vấn này. Tiếp theo có ba cách giải thích, thứ nhất là *“được truyền qua”*, thứ hai là *“Phật nói lại”*, thứ ba là *“A-nan tự thông”*, tự mình khai ngộ. *“Được truyền qua: Kinh Báo Ân nói, những kinh mà A-nan không được nghe, thì nghe từ các tỳ-kheo khác, hoặc nghe chư thiên nói.”* Chính là đồng học, hỏi đó thân cận đồng học, trong lớp đồng học này, như Kiền-trần-như nói ở phía trước, đây là vị chứng A-la-hán đầu tiên ở vườn Lộc Dã, ngài có thể nói là hết thảy các kinh do Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói trong 49 năm đều nghe được toàn bộ, chẳng thiếu buổi nào. Cùng với Thích-ca Mâu-ni Phật, cùng với A-nan, các ngài có quan hệ thân thích. Vì vậy đây là do người khác giảng cho ngài. Thứ hai là *“Phật nói lại”*, trong kinh Báo Ân có ghi chép: *“A-nan do được Phật chọn làm thị giả, nên đã cầu xin ba nguyện.”* A-nan xuất gia, sau khi xuất gia thì làm thị giả của Thích-ca Mâu-ni Phật, khi ấy ngài bèn cầu xin ba điều, trong ấy có một điều như sau, *“những kinh chưa được nghe, xin Phật nói lại”*, những kinh Phật đã giảng trong 20 năm mà ngài chưa được nghe, Phật giảng lại cho ngài, giảng lại lần nữa, *“Phật đồng ý”*. Trong kinh có ghi chép một đoạn như vậy. Thứ ba là *“A-nan tự thông: Kinh Kim Cang Hoa nói, A-nan đắc được ‘pháp tánh giác tự tại tam-muội’, nên những kinh chưa nghe, ngài tự có thể ghi nhớ”*. Bạn xem, khai ngộ rồi. Bạn thấy ở Trung Quốc, đại sư Lục tổ Huệ Năng của Thiền tông, ngài đã khai ngộ, ngài chưa từng nghe người khác giảng qua kinh, chỉ có lúc tiếp nhận y bát ở Hoàng Mai, hòa thượng Ngũ tổ Nhân vào lúc nửa đêm canh ba giảng đại ý kinh Kim Cang cho ngài, chắc chắn là không có quyển kinh, chúng tôi dự đoán thời gian tối đa là hai tiếng đồng hồ, giảng tới *“nên không trụ vào đâu mà sanh tâm kia”*, ngài bỗng nhiên đại ngộ, liền thông suốt. Hết thảy kinh do Thích-ca Mâu-ni Phật nói, bạn đọc cho ngài nghe, ngài liền giảng cho bạn nghe. Bạn là người đọc chưa giác ngộ, ngài giảng cho bạn nghe xong, rất có thể bạn sẽ đại triệt đại ngộ. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng chẳng phải là một thí dụ rất rõ rệt đó sao? Đây là người được đại sư Huệ Năng độ đầu tiên, người đắc độ đầu tiên, ngài gặp trên đường lánh nạn, gặp nhau ở thôn Tào Hầu, vị tỳ-kheo-ni này cả đời thọ trì kinh Đại Niết-bàn. Kinh Đại Niết-bàn phân lượng cũng rất lớn, có hai bản dịch, một bản dịch 40 quyển, bản dịch còn lại 36 quyển, đều là phân lượng tương đối lớn. Người thời xưa giỏi, thâm nhập một môn. Như thiền sư Pháp Đạt học kinh Pháp Hoa mười năm, thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn, ngài đắc tam-muội, tâm ngài thanh tịnh, trong tâm không có thứ gì khác, chỉ có một thứ như vậy. Cho nên

Lục tổ giảng cho ni sư, khi ấy ni sư đang tụng kinh, sau khi Lục tổ nghe xong đoạn kinh đó, ngài liền giảng giải ý nghĩa đoạn ấy cho ni sư nghe. Ni sư nghe xong thấy vô cùng hay, hết sức hoan hỷ, cầm quyển kinh hướng về đại sư Huệ Năng thỉnh giáo. Đại sư Huệ Năng bảo: Tôi không biết chữ, cô đừng đưa kinh cho tôi. Ni sư nói: Không biết chữ, vậy làm sao ngài có thể giảng hay như thế? Ngài nói: Chuyện này không liên quan gì đến biết chữ hay không biết chữ. Từ đó chúng ta có thể suy ra, đại sư Huệ Năng có năng lực này, A-nan cũng sẽ có năng lực này, chỉ cần chuyên, hiện nay chúng ta nói là chuyên chú, còn Phật pháp gọi là chuyên nhất. Khi đạt đến nhất tâm bất loạn thì liền khai mở, tâm tự khai ngộ, tự nhiên được thông suốt. Khi con người đạt đến kiến tánh thì cái gì cũng đều thông. A-nan là đại Bồ-tát tái lai, không phải là người thông thường, đang đóng kịch biểu diễn cho chúng ta xem, trên sân khấu là quả Tu-đà-hoàn, trên thực tế là đại Bồ-tát, không phải là người thông thường, ngài đã minh tâm kiến tánh. Vì thế, một Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ, chúng ta biết điều này, sau khi bạn hiểu rõ thì sẽ không còn hoài nghi.

Cho nên A-nan kết tập kinh tạng, là truyền nhân giáo hạ của Phật; tôn giả Ca-diếp là truyền nhân tông môn, truyền Thiền tông, gọi là tông môn giáo hạ. Đây là bản thân Phật giáo xung là tông giáo, cùng với tôn giáo hiện nay là không giống nhau, tông là tông môn, giáo là giáo hạ. Ở Trung Quốc có 10 tông, Thiền tông xung là tông môn, chín tôn phái kia đều gọi là giáo hạ, đây là phương thức dạy học không giống nhau. Tông môn là trước tiên bảo bạn tham cứu, không có sách giáo khoa. Ngộ rồi sẽ bắt đầu tu, sau khi đại triệt đại ngộ mới cho phép bạn xem kinh; trước khi chưa khai ngộ thì không được phép xem kinh. Đây là nhân vật thiên tài đặc biệt, không phải là người bình thường. Vì thế lúc tôi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, ba vị thầy đều cảnh báo tôi, ba vị thầy đều chưa hề gặp mặt nhau, thế nhưng đã cảnh báo tôi một chuyện, bảo tôi muôn phần đừng đụng tới Thiền tông, đó là người thượng thượng căn, là nhân vật thiên tài trong cửa Phật. Bạn muốn học pháp môn ấy, đó gọi là một bước lên trời, bước này không lên trời được, rớt xuống sẽ tan xương nát thịt, bạn cũng xong luôn. Vì thế tiên sinh Phương Đông Mỹ dạy tôi, Pháp tướng duy thức, thầy chỉ điềm cho tôi con đường này. Sau khi học Phật thì tôi thân cận đại sư Chương Gia, tôi theo tiên sinh Phương đại khái nửa năm, theo đại sư Chương Gia ba năm, nền móng của tôi là do đại sư Chương Gia đặt định. Đại sư Chương Gia dạy tôi, nhìn thấu buông xuống, đây là pháp môn thông dụng, nguyên tắc chung, cương lĩnh chung, bất luận tu pháp môn nào cũng đều phải bắt tay từ chỗ này. Ngài dạy tôi học Thích-ca Mâu-ni Phật, đầu tiên dạy tôi đọc Thích-ca Phổ, Thích-ca Phương Chí, bạn cần phải nhận biết Thích-ca Mâu-ni Phật, hãy khéo học tập theo ngài, vậy bạn mới không

đi sai đường. Chúng ta mới hiểu rõ rằng sau khi Thích-ca Mâu-ni Phật 30 tuổi khai ngộ thì liền bước vào sự nghiệp dạy học, đã dạy 49 năm, cho nên Phật pháp không phải là tôn giáo.

Hiện nay Phật giáo biến thành tôn giáo, đệ tử Phật môn chúng ta có tội lỗi, thầy của chúng ta là nhà đại giáo dục, là đại thánh đại hiền, tại sao lại gán ghép tôn giáo cho ngài, tôn giáo là mê tín? Chúng ta đã sáng tỏ, đã làm rõ ràng rồi, bất luận ở nơi nào chúng ta cũng đều phải bảo cho người ta biết, Phật pháp không phải là tôn giáo. Lời này chẳng phải do tôi nói đầu tiên, đại sư Âu Dương nói trước tiên. Hình như vào năm Dân Quốc thứ 12, tôi còn chưa sanh ra, ông ấy ở Đại học Trung Sơn Đệ Tứ, hiện nay là Đại học Sư Phạm Nam Kinh, đã làm một buổi diễn giảng rất nổi tiếng, đề mục là “Phật pháp không phải tôn giáo, không phải triết học, mà là điều thời nay không thể thiếu”, đã giảng về đề tài như vậy. Phật giáo là gì? Phật giáo là giáo dục của Phật-đà, giáo dục của Thích-ca Mâu-ni Phật, điều này cần làm cho rõ ràng. Chúng ta học Phật, là tiếp nhận giáo dục của Thích-ca Mâu-ni Phật. Giáo dục của ngài dạy gì? Dùng một câu nói, câu nói trong kinh điển, đó là “thật tướng các pháp”. Giải thích rõ câu nói này, đó là thật tướng của vũ trụ nhân sinh, ngài dạy chúng ta điều này. Nói cụ thể cho bạn, nói theo cách người hiện nay, nội dung mà ngài nói là gì? Cụ thể mà nói thì không ngoài năm hạng mục lớn, năm hạng mục lớn này là luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học. Năm hạng mục đều giảng đến cứu cánh viên mãn, quá trân quý. Người đời sau đem giáo học của lão nhân gia ngài, những điển tịch này, tức là những tài liệu dạy học thuở ấy, gọi là pháp bảo, có đạo lý! Thế nên bản thân chúng ta phải nỗ lực học, phải học hết lòng, phải đính chính lại những hiểu lầm này của xã hội, đây là trách nhiệm và sứ mệnh của chúng ta. Thầy Phương cả đời rất nỗ lực làm chuyện này, đáng tiếc là thầy mất quá sớm, 79 tuổi đã ra đi. Khi ấy tôi nghĩ, nếu thầy có thể sống thêm 5 năm nữa, hiệu quả sẽ vô cùng rõ rệt, có thể khiến cho đại chúng trong xã hội suy nghĩ lại, định vị lại Phật pháp, Phật pháp thật sự không phải là tôn giáo.

Tiếp theo lại giải thích cặn kẽ chữ “như vậy” cho chúng ta, như vậy là “*tín thành tựu*”. “*Đứng đầu trong sáu loại thành tựu*”, điều đầu tiên phải tin tưởng. Bạn tiếp nhận giáo dục, bạn không có lòng tin đối với thầy, không có lòng tin đối với môn mà bạn đang học, vậy bạn sẽ không thể học thành công. Vì thế, điều đầu tiên phải tin tưởng nơi thầy, thứ hai là tin tưởng vào khóa trình học, vậy bạn mới thật sự học được điều gì đó. Nếu như bạn đối với thầy không có mười phần tâm cung kính thì bạn không đạt được mười phần lợi ích. Trong Văn Sao, đại sư Ấn Quang đã giảng rất nhiều lần, một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai

phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Thành kính đối với ai? Thành kính đối với thầy, có lòng tin, có thành tín đối với khóa trình mà bạn theo học, vậy bạn mới thật sự học hiểu. Cùng một khóa trình, cùng một vị thầy, vì sao hiệu quả học tập của mỗi học trò không giống nhau? Không có gì khác, bởi lòng tin không giống nhau, đạo lý ở chỗ này. Thầy xem học trò, học trò nào có thể dạy? Học trò nào không cách gì dạy? Làm sao thầy biết? Thầy không có thần thông, thầy chỉ xem trò có tâm tôn kính đối với thầy hay không. Thầy hoàn toàn không đòi hỏi bạn tôn kính thầy như thế nào đó, không phải vậy, thầy là xem thấy bạn có thể tiếp nhận được bao nhiêu.

Cho nên tôi từ nhỏ đã được cha dạy bảo, tôn sư trọng đạo. Thời gian đó khoảng chừng năm Dân Quốc thứ hai mươi mấy, tôi nhớ hình như khi đó có lẽ tôi năm sáu tuổi, sáu bảy tuổi, khi được sáu bảy tuổi. Đi học tư thực, chính là hiện nay gọi là trường học con em trong gia đình, là một người họ hàng của tôi, ở trong nhà người cô, lúc đó là đại gia tộc. Do đó tôi vẫn còn tiếp xúc được với đại gia đình, có ấn tượng. Thôn trang ấy phạm vi rất lớn, trong nhà có tổng cộng hơn 200 người, chính là một gia tộc, không tách ra thành từng nhà, mười người anh em trong nhà, không phân chia nhà. Vì vậy cả nhà từ trên xuống dưới có khoảng chừng 200 người, là một gia tộc rất lớn. Mọi người có một từ đường, từ đường ngoại trừ tế lễ xuân thu ra thì chẳng dùng để làm gì. Cho nên tư thực mở ngay trong từ đường, tư thực chính là trường học cho con em trong gia đình, trẻ nhỏ trong gia tộc đều đến học ở đó. Tôi nhớ các bạn học dường như không nhiều lắm, có lẽ từ 30 đến 50 người, không nhiều lắm. Người lớn tuổi, đại khái có 17, 18 tuổi, nhỏ tuổi thì giống như chúng tôi, rất bé, sáu đến bảy tuổi. Cùng chung một lớp học, một vị thầy. Đây là dạy học tư thực. Ngày nhập học, tức là ngày đầu tiên đi học, cha tôi dẫn tôi đi, mang theo lễ vật, dâng “thúc tu” lên thầy, cho nên mang theo lễ vật cúng dường thầy. Vào trường học, đó là đại điện, chính là nơi thờ cúng tổ tiên được đổi thành lễ đường. Chính giữa điện đặt một bài vị, những chữ trên bài vị đó tôi đều biết, tôi vào lúc đó, cha đã dạy cho tôi biết mặt chữ tại nhà, đại khái có thể nhận biết được 500 chữ. Cho nên mấy chữ trên bài vị tôi đều biết, “Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Phu Tử Thần Vị”, tôi biết được bài vị ấy, một bài vị rất lớn, thầy ngồi ở bên cạnh, hai bên là học trò, bạn học đứng hai bên. Cha tôi dẫn theo tôi, cha tôi ở trước, tôi ở đằng sau, hướng về Khổng lão phu tử hành lễ tôn kính nhất, ba lần quỳ chín khấu đầu. Sau khi lạy xong, cha tôi mời thầy lên phía trên, thầy ngồi ở phía dưới bài vị Khổng tử, hướng về thầy hành lễ ba lần quỳ, chín lần khấu đầu, chúng tôi biết tôn sư trọng đạo chính là học được từ nơi đó. Bạn thấy cha tôi đối đãi với thầy, ba lần quỳ, chín lần khấu đầu, chúng tôi còn

dám không nghe lời sao? Thầy giáo và phụ huynh biểu diễn cho bạn xem, dạy bạn biết tôn trọng đạo như thế nào. Tôi học được từ nơi đó, cho nên cả đời đối với thầy đều rất tôn kính.

Sau này bạn thấy tôi học Phật ở Đài Loan, ba vị thầy, liền có được một chút lợi thế này. Tôi với thầy không có một chút quan hệ gì, thế nhưng sau khi thân cận thầy, thầy đối với tôi đặc biệt quan tâm, đặc biệt chiều cố. Tôi thân cận thầy Phương, chỉ mong cầu thầy đồng ý cho tôi đến trường dự thính tiết dạy của thầy, cái duyên đó đã hết sức hiếm có rồi. Nào ngờ rằng, thầy lại bảo tôi mỗi tuần đến nhà thầy, dạy riêng cho tôi hai tiếng đồng hồ, học trò chỉ có mình tôi. Thuở ấy tôi được sung ái mà lo sợ, cảm kích đến mức năm vóc sát đất. Tôi lúc đó đời sống rất nghèo khó, một đồng biểu thầy cũng không có, thầy là dạy miễn phí cho tôi. Nguyên nhân là gì? Mười mấy năm sau tôi mới nghĩ ra, đối với thầy có một phần tâm cung kính. Tôi và thầy chẳng quen biết, tôi viết một lá thư gửi cho thầy, thư của tôi là viết bằng bút lông, chữ tiêu khái, bức thư được viết hết sức quy củ; gửi một bài văn cho thầy xem, bài văn ấy cũng là viết theo lối chữ tiêu khái, hết sức cung kính. Đại khái là trong trường học, người có tâm cung kính đối với thầy như thế có thể rất ít. Vì vậy lần đầu tiên gặp mặt, gọi tôi đến nói chuyện, hiểu rõ tình hình cuộc sống của tôi, hiểu rõ chí thú của tôi. Yêu thích triết học, thế nhưng chưa từng học qua, chưa từng thân cận vị thầy triết học nào, cũng chưa từng đọc những sách triết học nào, một tờ giấy trắng. Đây là gì? Đây là điều thầy thích nhất, chưa có bị ô nhiễm qua. Cho nên thầy không cho tôi đến trường để nghe kinh, sợ bị ô nhiễm. Đến trường nghe kinh, nhất định quen biết rất nhiều thầy, rất nhiều bạn học, sẽ bị ô nhiễm, ngăn ngừa ô nhiễm. Đây chính là sự thừa thời xưa của Trung Quốc, nghe lời một người. Một vị thầy chỉ dạy bạn, bạn là một con đường, bạn có thể có thành tựu; hai vị thầy là hai loại tư tưởng, hai phương hướng, có hai con đường; ba vị thầy là ngã ba đường, bốn vị thầy là ngã tư đường, xong luôn! Cho nên trường học hiện nay phiền phức, bạn thấy mỗi ngày có mấy tiết học, có mấy vị thầy đến dạy bạn, dạy bạn hồ đồ luôn rồi. Đây chính là nguyên nhân vì sao giáo sư David McMullen của Đại học Cambridge đến tìm tôi mà tôi không đi. Cho nên phương pháp dạy học truyền thống của Trung Quốc thật sự là tốt, đời nào cũng xuất hiện thánh hiền. Hiện nay không còn nữa, trẻ nhỏ cũng bị dạy loạn rồi, đầu óc đều bị dạy đến mơ hồ. Cho nên Trung Quốc từ xưa tới nay, cổ thánh tiên hiền dạy dỗ, nguyên tắc chỉ đạo tối cao của dạy học là “cách dạy học, quý ở chuyên”. Cho nên ba vị thầy đối với tôi đều là chuyên, tuyệt đối không thể học tạp, học loạn, chắc chắn là không thể được. Theo thầy Lý mười năm, khóa trình học chỉ có bấy nhiêu thôi, đó là gì? Giáo dục cấm rẽ. Mặc dù thầy không giảng giới luật, thầy

là cư sĩ tại gia, thầy bảo tôi đọc Ngũ Chung Di Quy, dùng Ngũ Chung Di Quy thay thế giới luật. Học giảng kinh, thầy có mở lớp học, hơn 20 đồng học, Ngũ Chung Di Quy là một giáo trình mà các học trò học giảng kinh bắt buộc phải học. Hiện nay khó rồi, cực kỳ khó khăn, muốn tìm lại loại cơ duyên này, thầy tìm học trò, học trò tìm thầy, đều không dễ dàng, người xưa nói “có thể gặp, không thể cầu”.

Dưới đây nói rằng, “*luận Trí Độ* nói: “*Phật pháp như biển cả, tin thì vào được*”. Phật pháp quả thật như biển cả vậy, biển là biển tánh. Giáo học của Phật pháp là trở về tự tánh, trở về tự tánh thì bạn sẽ được đại viên mãn. Đại viên mãn này là không có cách nào hình dung, nói đơn giản chính là trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn mà trong kinh Hoa Nghiêm nói, không có gì không viên mãn. Viên mãn này không phải bạn học được, là vốn có đầy đủ trong tự tánh, chỉ cần kiến tánh thì thấy đều chứng đắc. Do vậy người kiến tánh thì gọi là Phật, Phật Phật đạo đồng, Phật Phật trí tuệ giống nhau, đức năng giống nhau, tướng hảo giống nhau, không có gì khác nhau. Tuyệt đối không thể nói vị Phật này biết nhiều hơn vị Phật kia một chút, không hề có, tất cả đều viên mãn, hết thấy mọi thứ Phật đều chứng đắc, không tăng không giảm. Thật ra hết thấy chúng sanh chúng ta và Phật không khác nhau, chỉ là mê mất tự tánh mà thôi. Ngày nào đó chúng ta buông xuống mê hoặc điên đảo thì bạn thành Phật ngay, bạn và chư Phật Như Lai không có khác biệt, pháp thế gian đều thông, pháp xuất thế gian cũng thông. Tại vì sao? Hết thấy pháp không rời tự tánh, hết thấy pháp đều là cái được sanh, cái được hiện của tự tánh, ngay cả những gì do a-lại-da biến ra, hết thấy đều hiểu rõ. Làm sao có thể cầu được? “Quý ở chuyên”, chuyên thì có thể cầu được, tạp thì không có cách nào. Nhất định phải đem khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước buông xuống. Trong kinh Đại thừa thường nói, bạn buông xuống chấp trước thì bạn chứng quả A-la-hán, bạn liền thành Chánh giác; lại buông xuống phân biệt, bạn sẽ là Bồ-tát, thành Chánh đẳng chánh giác; lại không khởi tâm không động niệm, bạn sẽ chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chính là Phật. Minh tâm kiến tánh, đúng như điều mà đại sư Huệ Năng nói, không có liên quan gì với biết chữ hay không biết chữ, không có liên quan gì với học hay không học, mà có liên quan với buông xuống. Bạn học nhiều hơn đi nữa, bạn không buông xuống, bạn chỉ là học giả trong thế gian, không thể nào sánh bằng Tu-đà-hoàn trong Phật giáo, Tu-đà-hoàn đạt được thọ dụng, bạn không đạt được thọ dụng; Tu-đà-hoàn có trí tuệ, bạn có trí thức mà không có trí tuệ, điều này nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu sáng tỏ.

“*Kinh Hoa Nghiêm* lại nói, *tín là tay. Như người có tay, đến nơi báu vật tùy ý nhặt lấy; nếu người không có tay, không thu được gì cả. Có thể thấy, tín là cửa đầu*

tiên đề nhập pháp, bỏ điều này thì chẳng có cách nào.” Tín quan trọng biết bao! Cho nên đại kinh đại luận, đại kinh là Hoa Nghiêm, đại luận là luận Đại Trí Độ, đều nói “tín là nguồn của đạo, mẹ của các công đức”, cội nguồn của đạo là tín, hết thảy các công đức đều là sanh ra từ lòng tin. Không tin thì bạn không có công đức, bạn có thể tu phước đức, bạn không có cách nào tu công đức, công đức nhất định phải từ lòng tin, điều này chúng ta không thể không biết. Chúng ta học Phật, có đạt thành tựu trong Phật pháp hay không? Nói thật ra, bạn hãy lắng lòng mà quan sát, bạn đối với Phật có tin hay không? Bạn đối với pháp có tin hay không? Bạn đối với thiện tri thức có tin hay không? Nếu đối với ba điều này lòng tin không đủ, bạn trong Phật môn chỉ có thể tu được phước báo, phước đức, công đức thì không có phần. Thế nhưng phước đức không thể giải quyết vấn đề, phước đức có thể giải quyết cuộc sống trước mắt, có phước báo, danh văn lợi dưỡng có thể đạt được, còn với liễu sanh tử, thoát luân hồi, vãng sanh thành Phật thì không có chút liên quan, điều này phải biết. Nhưng những chuyện này đối với một số người hiện nay đang truy cầu tri thức mà nói, cũng là rất bình thường, họ nói gì? Những điều đó là mê tín, những điều đó không hợp khoa học, họ đã bị thiệt thòi lớn. May mắn hiện nay cơ học lượng tử này xuất hiện, đây là ngành khoa học mới nổi, tôi tin rằng có lẽ trong vòng 5 năm nữa sẽ rất phổ biến. Trong cơ học lượng tử phát hiện, một số nguyên lý nguyên tắc do Phật giảng thấy đều đã chứng minh. Trước tiên chứng minh cho chúng ta một chuyện, vũ trụ là xuất hiện trong khoảng sát-na, là trong không sanh có. Cách nói này hết sức gần với Phật pháp. Trên thực tế nó không phải là trong không sanh có, nó là một niệm bất giác, tự tánh biến hiện ra một cái a-lại-da. A-lại-da là chủ tạo hóa, từ trong a-lại-da xuất hiện ra vũ trụ vạn vật, sanh mạng, bao gồm cả bản thân chúng ta. Điều này đã rất gần, rất gần rồi. Cho nên những điều này có lợi ích. Có thể thấy, tín là cửa đầu tiên để nhập pháp, bỏ điều này thì chẳng có cách nào.

“Lại là đứng đầu trong việc nhiếp trì giáo pháp, nên nói: Vừa vào cửa tín, liền lên ngôi tổ.” Đây là nói bạn thật sự tin. Đại sư Huệ Năng vì sao nghe Ngũ tổ nói mấy câu bèn khai ngộ? Không có gì khác, lòng thành tín đó của ngài đã đạt tới điểm bão hòa, cho nên một chút thì ngài liền thông. Chúng ta tại vì sao hiện nay không thể? Trong cái tín này của chúng ta có xen tạp hoài nghi, không phải hoàn toàn thành tín, mức độ của tín không đủ. Trong đây có đại học vấn! Lòng tin viên mãn mang đến thành tựu viên mãn cho bạn. Lòng tin cũng không phải dễ dàng sanh khởi như vậy, đặc biệt là khoa học hiện nay, khoa học coi trọng hoài nghi, điều này hoàn toàn trái nghịch với đường lối nhập đạo của học Phật. Trong Phật pháp thì may may hoài nghi đều không được có, bạn có một phần hoài nghi sẽ có một phần chướng ngại, có

mười phần hoài nghi sẽ có mười phần chướng ngại. Chúng ta chia lòng tin thành một trăm phần, lòng tin này viên mãn một trăm phần, họ lập tức liền thành Phật, chính là chỗ này nói “vừa vào cửa tín, liền lên ngôi tổ”, đại sư Huệ Năng chính là ví dụ này. Lòng tin một trăm phần, có được mười phần lòng tin thì không tệ, cũng rất khó được. Tôi theo mấy vị thầy này, khi thầy nhìn thấy tôi, tôi nghĩ lòng tin của tôi chẳng qua cũng chỉ là mười phần mà thôi, 100 phần chỉ được 10 phần. Nếu tôi là 100%, vậy tôi sẽ giống như đại sư Huệ Năng, đã thành Phật rồi, thật sự một chút cũng không sai. Bản thân chúng ta phải làm sao nâng cao, phải làm thế nào để lòng tin chúng ta sâu hơn? Lòng tin có liên quan với đọc tụng Đại thừa. Bạn hiện nay một bộ kinh, bạn nghe một bộ kinh, bộ kinh này nếu bạn thật sự có thể nghe đến 3.000 lần, lòng tin của bạn ít nhất có thể đạt tới 20-30%, khi đó sẽ có năng lực lãnh ngộ kha khá, giới định tuệ của bạn dần dần hình thành. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tới đây.